

Số: /GPMT-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 241/TTr-SNNMT ngày 21/3/2025 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Tới Hạnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Tới Hạnh, địa chỉ tại bản Chợ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Búng Lao, huyện Mường Ảng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

1.2. Địa điểm: Xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600313677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên đăng ký lần đầu ngày 10/5/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27/9/2023.

1.4. Mã số thuế: 5600313677.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích là 27.609,8 m², trong đó: diện tích khu vực khai thác là 14.768 m²; diện tích khu vực phụ trợ là 2.602,1 m²; diện tích khu vực chế biến là 10.239,7 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB529027).

- Công suất khai thác: 30.000 m³ đá nguyên khai/năm, tương đương 20.408 m³ đá nguyên khối/năm.

- Thời gian hoạt động: 20 năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Tới Hạnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, khí thải.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26/3/2025 đến ngày 26/3/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Mường Ảng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Mường Ảng;
- Công ty TNHH Tới Hạnh (02 bản);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách;
- Lưu VT, KT_(LNH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của tại khu vực văn phòng, nhà bảo vệ.
- Nguồn số 02: Nước tháo khô mả từ nước mưa chảy tràn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả thải

STT	Dòng thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103°00, múi chiều 3°)
1	Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt của tại khu vực văn phòng, nhà bảo vệ	Hồ tự nhiên tại Nà Lấu, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	X(m)= 2377798 Y(m) = 534986
2	Dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): Nước tháo khô mả từ nước mưa chảy tràn		

2.2. Lưu lượng xả thải

- Lưu lượng xả thải lớn nhất theo thực tế 255,69 m³/giờ, trong đó:
 - + Lưu lượng dòng nước thải số 01 là: 0,09 m³/giờ tương đương với 2,11 m³/ngày, đêm.
 - + Lưu lượng dòng nước thải số 02 là: 255,60 m³/giờ tương đương với 6.134,4 m³/ngày, đêm (khi trời mưa).

2.2.1 Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.2.2. Chế độ xả thải:

- Dòng nước thải số 01: Liên tục (24 giờ/ngày, đêm).
- Dòng nước thải số 02: Xả gián đoạn (khi trời mưa).

2.2.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT -

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, $K = 1,2$), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng nước thải số 01 (QCVN 14:2008/BTNMT cột B, $K = 1,2$)				
1	pH	-	5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200		
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	4,8		
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		
II	Dòng nước thải số 02 (QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$)				
1	Nhiệt độ	°C	40	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Màu	Pt/Co	150		
3	pH	-	5,5 - 9		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54		
5	COD	mg/l	162		
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108		
7	Sắt	mg/l	5,4		
8	Tổng phenol	mg/l	0,54		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,54		
11	Amoni	mg/l	10,8		
12	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	43,2		
13	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
14	Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01 được thu gom xử lý như sau:

+ Nước thải khu vực nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D90, L=1,6 m dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra hố thu gom thể tích 03 m³ bằng ống PVC D114, L=10 m và theo mương thoát nước mặt đến hố lắng, sau đó chảy qua bãi lọc trồng cây cạnh dự án trước khi xả thải vào hồ tự nhiên tại bản Nà Lấu, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng.

+ Nước thải sinh hoạt khác gồm nước tắm giặt và nước phục vụ ăn uống tại khu nhà ở công nhân sau khi qua song chắn rác để loại bỏ rác và được dẫn theo mương thoát nước mặt chảy đến hố thu gom thể tích 03 m³ của mỏ, sau đó chảy qua bãi lọc trồng cây cạnh dự án trước khi xả thải vào hồ tự nhiên tại bản Nà Lấu, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng

- Nước thải từ nguồn số 02 được thu gom xử lý như sau: Nước tháo khô mỏ từ nước mưa chảy tràn của mỏ được thu gom bằng rãnh thoát nước bằng đất nện chặt K95 có chiều dài 280m dọc đường giao thông và đường hào về hố thu gom sau đó chảy sang hố lắng, sau đó chảy qua bãi lọc trồng cây cạnh dự án trước khi xả thải vào hồ tự nhiên tại bản Nà Lấu, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Bể tự hoại: 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 06 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua Bể tự hoại → Hố thu gom → Hố lắng → Bãi lọc trồng cây cạnh dự án → Hồ tự nhiên.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học.

1.2.2. Công trình xử lý nước tháo khô mỏ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước tháo khô mỏ (nguồn thải số 02) → Hố thu gom → Hố lắng → Bãi lọc trồng cây cạnh dự án → Hồ tự nhiên.

- Công suất: Hố lắng thể tích 300 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty TNHH Tới Hạnh có trách nhiệm chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của khoan, nổ mìn và khu vực nghiền, sàng đá.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

2. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết.

- Sử dụng các loại máy khoan có màng cách âm, đối với các búa chèn sử dụng màng rần bằng cao su hoặc bằng da.

- Sắp xếp và tổ chức thời gian làm việc một cách hợp lý, giảm thời gian có mặt của công nhân ở nơi có mức ồn cao; trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

- Thực hiện phương pháp nổ mìn đúng như quy trình đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; luôn đảm bảo vành đai an toàn với khoảng cách từ tâm nổ đến khu chế biến và khu vực mỏ lân cận.

- Lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý để hạn chế tác động của tiếng ồn. Thời gian chọn là 11h00' đến 13h00' (buổi sáng) và từ 16h00' đến 18h00'(buổi chiều).

- Căn chỉnh dây chuyền nghiền sàng đá theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật; công nhân đứng máy phải đeo nút chống ồn và thiết bị bảo hộ lao động; không nghiền sàng đá vào giờ nghỉ trưa và đêm khuya.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên, như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	50
2	Dầu thải	17 02 03	Lỏng	60
3	Pin thải, ắc quy thải	19 06 01	Rắn	30
	Tổng khối lượng			140

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: giấy loại, thức ăn thừa, rau, củ, quả và các thành phần có thể tái chế như bao bì, đồ hộp... phát sinh khoảng 11 kg/ngày tương đương 4.015 kg/năm.

1.3. Chất thải công nghiệp

- Đất đá thải với khối lượng là 5.980 m³ tương đương với khoảng 199 m³/năm.

- Bùn thải từ nạo vét mương thoát nước, hồ lắng khoảng 10 m³/lần nạo vét, tần suất 01 năm/lần nạo vét, khối lượng bùn nạo vét được để khô, sau đó phối trong quá trình nghiền sàng tạo đá base để làm vật liệu san lấp.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng dung tích 100 lít có nắp đậy kín, dẫn nhân theo đúng quy định.

- Kho lưu giữ CTNH: Có diện tích 12 m² (kích thước 04m x 03m). Kho được xây bằng gạch đặc, trát xi măng và được gia cố bằng bê tông; kho chứa có mái che, có biển báo khu vực chứa CTNH; sàn đổ bê tông, không thấm chất lỏng, bằng phẳng, không trơn trượt, không có khe nứt, có gờ chống tràn đổ CTNH, nền khu vực được đánh dốc và bố trí hố gom CTNH dạng lỏng. Trong hố có bố trí cát, mùn cưa để thấm hút chất thải trong trường hợp có xảy ra sự cố tràn đổ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa dung tích từ 60 lít tại khu vực nhà ăn công nhân và văn phòng

- Khu vực lưu chứa: 01 kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 9m² gần khu vực kho chất thải nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp

Khu vực lưu chứa: Bãi thải với diện tích 5.000 m² đảm bảo có thể lưu giữ hết khối lượng đất đá thải, được xây dựng tại chân núi phía Đông Bắc giáp với điểm mốc số 2 của mỏ.

2.4 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Thực hiện theo đúng nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh, nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

Khai trường sau khi kết thúc khai thác, tạo hệ thống thoát nước tại đáy moong, tạo lớp đất 0,7m sau đó trồng cây (cây trồng được chọn là cây keo lá tràm) tại đáy moong sau khai thác. Khu vực bờ mỏ được đưa về trạng thái an toàn, phần đai bảo vệ được xây dựng hệ thống đê chắn trước khi san gạt lớp đất của mỏ với chiều dày 0,3m để trồng cỏ; xung quanh bờ mỏ lập biển báo; san gạt và trồng cây tại khu vực bãi thải. Đối với các công trình phụ trợ tháo dỡ các công trình trên mặt bằng, san gạt trồng cây trên toàn bộ diện tích. Cải tạo, lu lèn tuyến đường giao thông.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện

TT	Tên hạng mục, khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác	
1.1	Củng cố bờ moong khai thác là 1,86ha, trong đó diện tích đai bảo vệ là 0,74ha, diện tích mái taluy 1,12 ha; củng cố sườn tầng (bờ taluy) là 0,112 ha.	Trong toàn bộ quá trình khai thác, khai thác đến đâu cải tạo bờ moong đến đâu
1.2	Lắp đặt 05 biển báo xung quanh moong (khoảng cách giữa các biển báo là 100m). Biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6 m x 1 m có ghi chữ “Moong sâu nguy hiểm” màu đen. Biển báo kích thước 0,6m x 1m (được làm bằng bê tông cốt thép, sơn bả) được gắn trên các cột bằng bê tông cốt thép (chiều dài cột 2,7 m).	Năm đầu tiên của Dự án
1.3	Tạo hệ thống thoát nước tại đáy moong: dùng đá hộc xây tường chắn tạo mương thoát nước. Tường chắn có dạng hình thang kích thước (40 x 20 x 80) cm chiều dài 292 m. - Công tác san gạt moong khai thác: Diện tích đáy moong cần phục hồi là 0,46 ha nằm ở cao độ +540 m, khối lượng san gạt đất vào tạo lớp đất màu 0,7 m. Khối lượng đất cần san gạt là 3.220 m ³ , độ cao đáy moong sau khi hoàn thổ là	Sau kết thúc khai thác

	<p>+540,7 m. Nguồn đất này được lưu giữ ở bãi lưu giữ đất thải 0,5 ha. Kết thúc khai thác dùng máy ủi 110CV đào, san đất từ bãi thải vào đáy moong, trả lại mặt bằng bãi thải.</p> <p>- Trồng cỏ ở đai bảo vệ: Tại mặt tầng đai bảo vệ sau kết thúc khai thác đắp lớp đất với chiều dày 0,3 m (khối lượng đất đắp là 2.024 m³ được lấy trong quá trình khai thác), xây hệ thống đê bao phía ngoài bằng đá học, vữa xi măng mác 50, sau đó trồng cỏ trên mặt tầng.</p> <p>- Trồng cây moong khai thác: Diện tích cần phải trồng là 0,46ha, mật độ trồng 2.500 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 30% mật độ cây trồng (tỷ lệ này được trồng dặm trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây). Vậy số cây phải trồng là 1.495 cây. Hố được đào theo kích thước hố cách hố 2m, hàng cách hàng 2m.</p>	
2	Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải	
2.1	<p>- San gạt tạo mặt bằng: Sau khi san gạt đất ra đáy moong kết thúc khai thác, trả lại mặt bằng của bãi thải. Chiều dày san ủi tạm tính 0,3 m, diện tích cần san gạt 0,5 ha. Khối lượng san gạt 1.500 m³.</p> <p>- Trồng cây khu vực bãi thải: Diện tích bãi thải cần phải trồng cây là 0,5 ha, mật độ trồng 2.500 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 30%. Như vậy số cây phải trồng là 1.625 cây.</p>	Sau kết thúc khai thác
3	Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng khu phụ trợ	
3.1	<p>- Phá dỡ công trình phụ trợ: Khối lượng phá dỡ: tường đá, tường gạch, nền móng, bê tông gạch vỡ (102,17 m³) và nền xi măng (283,16 + 37,98) x 0,1. Như vậy tổng khối lượng phá dỡ (134,28 m³) được Công ty san gạt, lu lèn cải tạo tuyến đường vận tải của mỏ.</p> <p>- Lấp hố lũng: Tổng khối lượng cần san ủi tương đương với dung tích hồ lũng là 300 m³. Khối lượng này được lấy từ bãi lưu giữ đất thải. Hố lũng nằm trong khu vực sân công nghiệp. Do đó hạng mục trồng cây ở khu vực sân công nghiệp đã bao gồm trồng cây ở khu vực hố lũng.</p> <p>- San gạt tạo mặt bằng: Sau khi đã tháo dỡ các công trình phụ trợ, trả lại mặt bằng sân công nghiệp, khu văn phòng, kho vật liệu nổ. Tiến hành san gạt mặt bằng để trồng cây. Chiều dày san gạt tạm tính 0,3 m, diện tích cần san gạt 1,2836 ha (12.836 m²). Khối lượng san gạt 3.851 m³.</p> <p>- Trồng cây khu vực sân công nghiệp: Diện tích khu phụ trợ cần phải trồng cây là 1,2836 ha, mật độ trồng 2.500 cây/ha. Tổng số cây cần phải trồng là 4.171 cây (trong đó: số cây trồng là 3.209 cây; số cây trồng dặm là 962 cây)</p>	Sau kết thúc khai thác
4	Công tác cải tạo phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ	
	Cải tạo tuyến đường vận tải từ mỏ đến đường liên thôn. Giữ nguyên tuyến đường phục vụ cho công tác giao thông giúp	Sau kết thúc khai

<p>người dân đi lại dễ dàng phục vụ cho công việc trồng và chăm sóc cây. Với chiều dài tuyến đường 450 m, chiều rộng lòng đường cần cải tạo là 3,0 m. Diện tích cần cải tạo để san gạt và lu lèn là 1.350 m².</p>	<p>thác</p>
--	-------------

3. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 540.313.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng*).

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên số tiền là 158.653.135 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng*).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ là 381.659.865 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi năm đồng*).

- Số lần ký quỹ: 20 lần

+ Lần đầu, số tiền: 108.062.600 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh tám triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm đồng*).

+ Các lần tiếp theo, số tiền: 22.750.021 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, không trăm hai mươi một đồng*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

- Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, các hạng mục công trình theo đúng quy hoạch, quy định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch khoáng sản và các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

5. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.